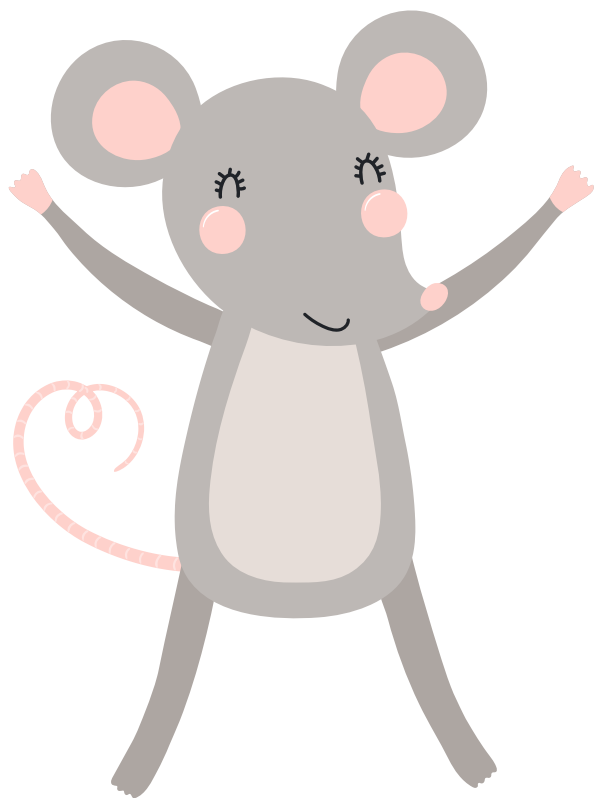


鼠

Rat
shǔ



牛

Ox
niú



虎

Tiger
hǔ



兔

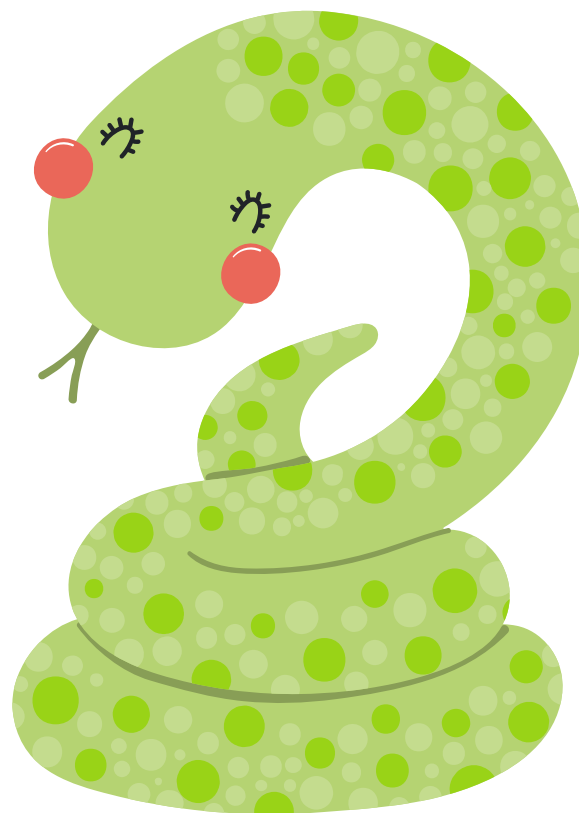
Rabbit
tù



龙 *Dragon*
lóng



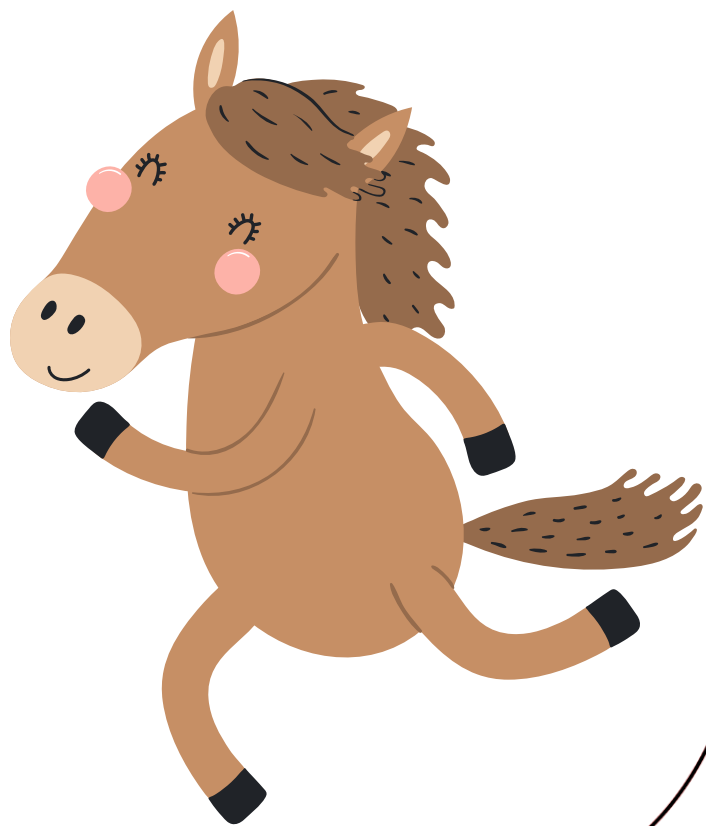
蛇 *Snake*
shé



马

Horse

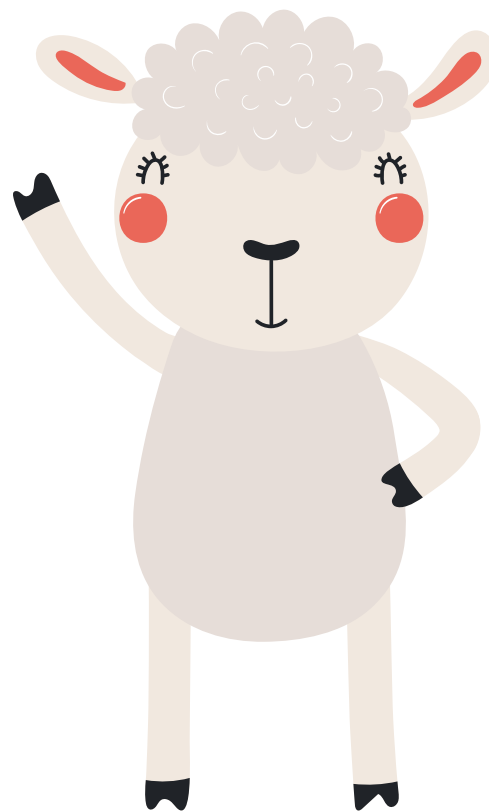
mǎ



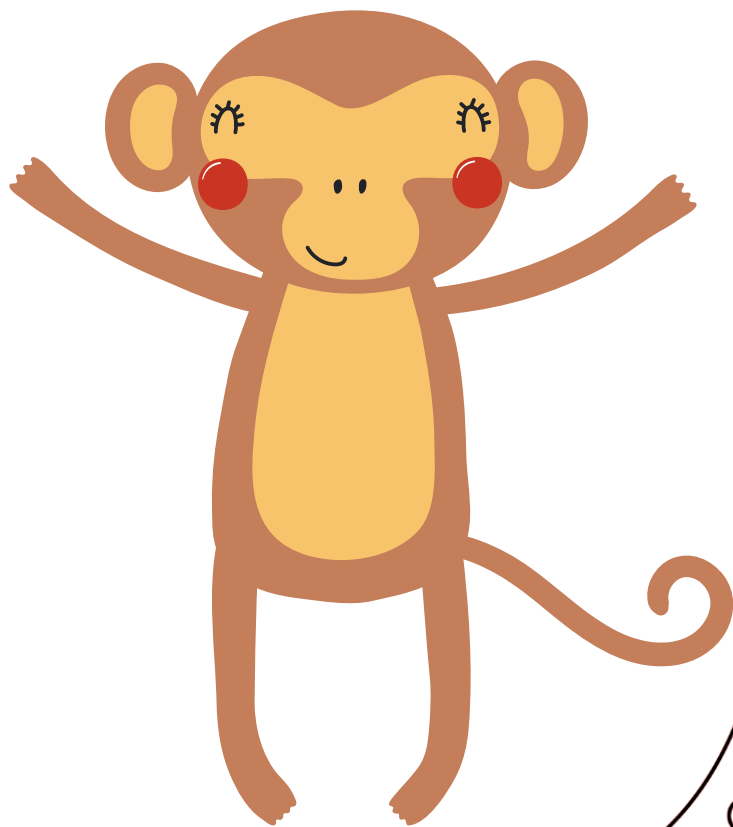
羊

Ram

yáng



马 *Monkey*
hóu



鸡 *Rooster*
jī



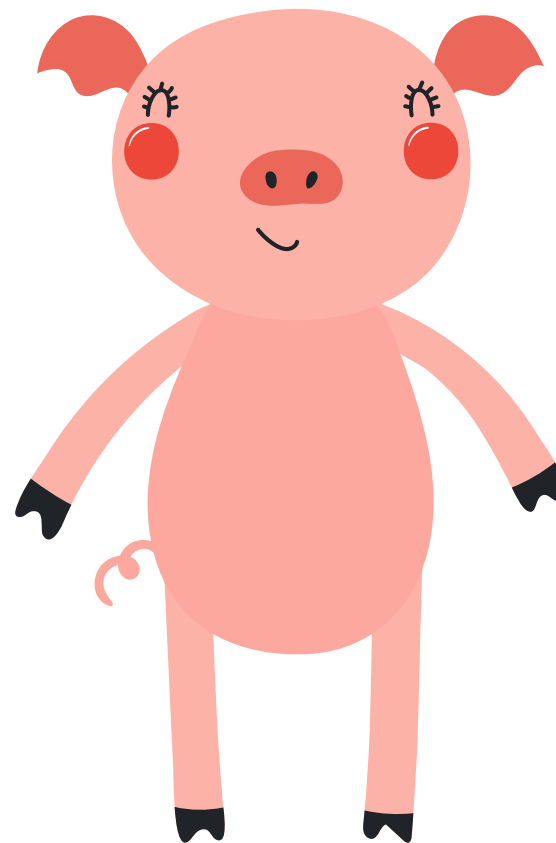
狗

Dog
gǒu



猪

Pig
zhū



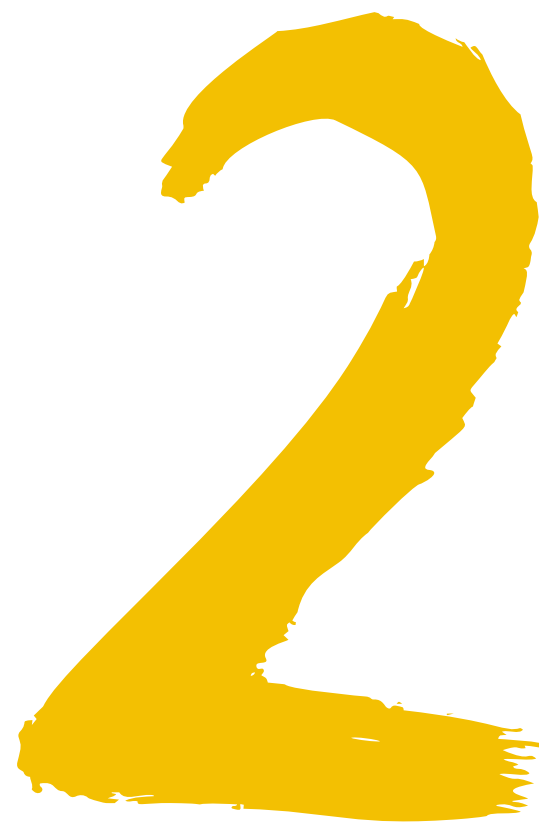
One

yī



Two

èr



三

Three

sān

3



四

Four

sì

4



五

Five

wǔ

5



六

Six

liù

6



七

Seven

qī

7



八

Eight

bā

8



九

Nine

jiǔ

9



十

Ten

shí

10



_____ *Eleven*

shíyī

十一



_____ *Twelve*

shí'èr

十二



New Year

新年 xīnnián



Spring Festival

春节 chūnjié



*Happy Chinese
New Year*

新年快了

xīn nián kuài lè



*Wishing you a
prosperous New Year*

恭喜发财

gōng xǐ fā cái



Dragon dance

舞龙 wǔ lóng



Lion dance

舞狮 wǔ shī



Lantern Festival

元宵节

yuán xiāo jié



Lantern

灯笼 dēng
lóng



Red packet

红包 hóng
bāo



Good fortune

福 fú

